

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2022
(V/v: Tranh chấp yêu cầu xin
ly hôn và nuôi con chung)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Văn An

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Dương Thị Tú Phương

2/. Bà Võ Tuyết Kha

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 290/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Chị NHC, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp MT, xã AP, huyện ĐH, tỉnh BL.

2/. Bị đơn: Anh DMC, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp LĐ, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị C và anh Cều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2022, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, cũng như lời trình bày tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị NHC trình bày: Vào năm 2014, được sự cho phép của hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và anh Cều nên vợ

thành chồng, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, nhưng đến nay chị và anh Cều vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn để nay chị yêu cầu xin ly hôn với anh Cều là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc. Anh Cều không chí thú làm ăn, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, nên từ đó cuộc sống hôn nhân của anh chị luôn cãi vã mâu thuẫn nhau. Hiện tại chị và anh Cều đã sống ly thân khoảng hơn 05 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh DMC.

Về con chung trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh Cều chung sống với nhau có 01 người con tên Danh Tường Vy, sinh ngày 07/02/2015. Hiện tại cháu Vy đang sống cùng với chị. Nay ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Cều phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tạo lập tài sản chung cũng như không có nợ ai nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bị đơn anh DMC trình bày: Anh Cều thống nhất với lời trình bày của chị NHC về quan hệ hôn nhân, con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay chị C yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị NHC.

Về con chung anh thống nhất thỏa thuận và đồng ý giao người con chung tên Danh Tường Vy cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, anh đồng ý không cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị NHC.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Cều thống nhất như lời của chị C trình bày nên khi ly hôn anh không có ý kiến gì khác và cũng không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị NHC và bị đơn anh DMC là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị C và anh Cều chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh Cều.

Về con chung: Từ khi chị C và anh Cều sống ly thân với nhau cho đến nay thì chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho cháu Tường Vy. Mặc khác, qua tiếp xúc với cháu Tường Vy thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với chị C khi cha mẹ ly hôn với nhau. Anh Cều cũng đồng ý giao con cho chị

C được tiếp tục nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử giao người con tên Danh Tường Vy, sinh ngày 07/02/2015 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Do chị C và anh Cều không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị NHC phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị C có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh DMC. Anh Cều có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị NHC và anh DMC có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C và anh Cều.

[2] Về nội dung vụ án: Chị C và anh Cều chung sống với nhau vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng đến nay vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc không đi đăng ký kết hôn giữa chị C và anh Cều là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”*.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*

Do đó, theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa chị C và anh Cều không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị C có yêu cầu xin ly hôn với anh Cều thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho chị C và anh Cều ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh Cều là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị C và anh Cều chung sống với nhau có 01 người con chung tên Danh Tường Vy, sinh ngày

07/02/2015. Từ lúc chị C và anh Cều sống ly thân với nhau thì chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tường Vy. Cho đến thời điểm hiện nay, chị C vẫn đảm bảo về mọi mặt phát triển cho con và nguyện vọng của cháu Vy cũng mong muốn được sống cùng với mẹ khi chị C và anh Cều ly hôn với nhau. Do đó, đề không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu Tường Vy khi đang sống với chị C nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao người con tên Danh Tường Vy, sinh ngày 07/02/2015 cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị NHC không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh DMC.

Anh DMC có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này anh Cều chứng minh được việc chị C nuôi con, nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì anh có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh Cều không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị NHC phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị NHC đối với anh DMC.

1.1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị NHC và anh DMC là vợ chồng.

1.2/. Về con chung: Giao người con tên Danh Tường Vy, sinh ngày 07/02/2015 cho chị NHC được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị NHC không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh DMC.

Anh DMC có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

1.3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị NHC phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005383 ngày 08 tháng 9 năm 2022 của C cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

3/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

4/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- C cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Danh Văn An